

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ
TRƯỜNG THÀNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÍ IV NĂM 2018**

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. Bảng cân đối kế toán riêng	1 - 2
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	4 - 5
4. Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	6 - 39



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (GCNĐKKD) số 3700530696 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 18 tháng 8 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty, với mã chứng khoán là TTF, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 1 tháng 2 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đường ĐT747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Văn phòng đại diện: 235/44 đường Trục, phường 13, quận Bình Thạnh, TP.HCM, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Anh Dũng	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Mai Hữu Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Xuân Dương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2017
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2017
Ông Hoàng Hà Thế Quang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 06 tháng 9 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông số 02-17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017, cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc sửa đổi điều lệ của Công ty theo tờ trình số 06/TT/ĐHĐCĐ/TTF. Theo đó, kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2017, Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý theo Điểm b, Khoản 1, Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Hữu Tín	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Phó Tổng Giám Đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Minh Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Lê Văn Minh	Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Hữu Tín	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
-----------------	-----------------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám Đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc của Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Giám đốc



Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01 - DN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.738.795.811.473	3.009.925.732.015
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	116.973.219.078	52.380.688.977
111	1. Tiền		58.376.452.285	42.271.668.417
112	2. Các khoản tương đương tiền		58.596.766.793	10.109.020.560
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	131.823.923.876	89.864.100.172
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		131.823.923.876	89.864.100.172
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		815.645.774.800	1.851.468.476.290
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3.1	754.408.586.281	741.500.525.779
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3.2	54.290.075.926	126.303.908.213
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	V.4	137.544.774.473	646.080.325.874
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	346.216.857.454	315.853.087.045
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	154.174.179.791	139.625.992.794
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(630.988.699.124)	(117.895.363.415)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	661.331.071.190	983.595.694.375
141	1. Hàng tồn kho		865.331.410.743	1.054.548.928.890
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(204.000.339.553)	(70.953.234.515)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.021.822.529	32.616.772.201
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.11	6.231.422.227	3.519.880.170
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.449.738.100	25.765.279.126
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	3.340.662.202	3.331.612.905
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		440.890.334.999	844.726.929.105
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		37.274.047.000	65.140.964.179
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.6	36.874.047.000	64.273.393.553
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.7	400.000.000	867.570.626
220	II. Tài sản cố định		197.276.896.576	361.553.143.380
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	194.419.645.139	358.544.641.443
222	- Nguyên giá		347.635.303.002	544.445.789.466
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(153.215.657.863)	(185.901.148.023)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	2.857.251.437	3.008.501.937
228	- Nguyên giá		6.217.873.306	6.115.873.306
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.360.621.869)	(3.107.371.369)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	V.10	23.685.366.710	40.435.585.574
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		23.685.366.710	40.435.585.574
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		178.234.492.344	297.991.301.048
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.12.1	170.037.347.443	228.814.057.443
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.12.2	96.930.473.000	173.135.473.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.12.3	11.546.634.766	279.784.766
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(112.190.962.865)	(114.121.014.161)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.911.000.000	9.883.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.419.532.369	79.605.934.924
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	4.419.532.369	79.605.934.924
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.179.686.146.472	3.854.652.661.120

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01 - DN

VND

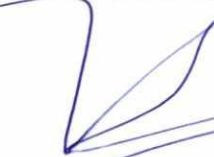
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.125.217.098.408	3.021.196.180.133
310	I. Nợ ngắn hạn		1.623.190.204.908	2.519.647.642.633
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13.1	106.281.075.709	272.478.741.874
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13.2	1.072.911.095.290	1.642.762.433.094
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	23.604.855.376	22.099.425.332
314	4. Phải trả người lao động		23.565.751.552	30.184.435.856
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	232.963.698.458	227.170.461.961
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		10.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	38.409.798.240	47.412.915.598
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17.1	123.292.700.000	275.602.779.209
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.151.230.282	1.936.449.709
330	II. Nợ dài hạn		502.026.893.500	501.548.537.500
337	1. Phải trả dài hạn khác		540.000.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.17.2	500.000.000.000	500.000.000.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		1.486.893.500	1.548.537.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		54.469.048.064	833.456.480.987
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	54.469.048.064	833.456.480.987
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.146.078.400.000	2.146.078.400.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.146.078.400.000	2.146.078.400.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		63.607.862.467	63.607.862.467
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(552.965.000)	(552.965.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		16.176.475.297	16.176.475.297
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.170.840.724.700)	(1.391.853.291.777)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(1.391.853.291.777)	(1.427.009.227.765)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(778.987.432.923)	35.155.935.988
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.179.686.146.472	3.854.652.661.120

Người lập



Huỳnh Thị Mộng Diễm

Kế toán trưởng



Mai Thanh Bình

Bình Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỐ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02 - DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	285.708.969.495	566.804.452.440	890.141.852.004	1.303.807.788.028
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	-	276.229.139	-	276.229.139
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.3	285.708.969.495	566.528.223.301	890.141.852.004	1.303.531.558.889
11	4. Giá vốn hàng bán		289.053.381.545	468.422.106.953	978.479.075.128	1.061.459.597.495
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(3.344.412.050)	98.106.116.348	(88.337.223.125)	242.071.961.394
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	3.197.367.404	8.378.617.913	25.074.979.329	33.148.595.371
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	36.896.857.283	(20.101.998.851)	177.070.546.257	131.906.703.254
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		29.496.397.208	(12.551.181.587)	144.246.631.293	127.266.071.877
24	8. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết		-	-	-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	4.444.017.043	1.503.796.119	11.351.075.269	8.611.664.337
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	(31.123.220.627)	31.245.349.976	624.527.222.796	81.923.231.935
30	11. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.364.698.345)	93.837.587.017	(876.211.088.117)	52.778.957.239
31	12. Thu nhập khác	VI.7	24.948.021.680	611.866.425	151.803.733.093	2.803.684.070
32	13. Chi phí khác	VI.7	49.042.559.889	2.941.668.399	54.311.077.898	20.426.705.321
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác		(24.094.538.209)	(2.329.801.974)	97.492.655.195	(17.623.021.251)
50	15. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		(34.459.236.554)	91.507.785.043	(778.718.432.923)	35.155.935.988
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-	-	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(34.459.236.554)	91.507.785.043	(778.718.432.923)	35.155.935.988

Bình Dương, ngày 28 tháng 01 năm 2019

Kế toán trưởng

Người lập



(Handwritten signature)

Hoỳnh Thị Mộng Diễm

Mai Thanh Bình

Mai Hữu Tín

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B03 - DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	(Lỗ) lợi nhuận trước thuế		(778.718.432.923)	35.155.935.988
02	Khấu hao tài sản cố định		30.043.781.499	30.086.457.854
03	(Hoàn nhập) trích lập các khoản dự phòng		644.210.389.451	(8.192.020.225)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.278.427.900)	515.264.691
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		273.800.752.944	(31.320.749.447)
06	Chi phí lãi vay		144.246.631.293	127.266.071.877
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		312.304.694.364	153.510.960.738
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		484.039.258.270	(629.159.438.799)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		189.217.518.147	174.110.652.157
11	(Tăng) giảm các khoản phải trả		(986.101.006.132)	403.798.028.766
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		72.474.860.498	9.122.109.781
13	Tiền lãi vay đã trả		(15.377.667.542)	(50.657.765.715)
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	(97.664.321)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		56.557.657.605	60.626.882.607
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(9.217.089.496)	(14.659.757.888)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các TS dài hạn khác		90.602.620	355.409.965
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(392.850.667.083)	(215.683.620.860)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		347.951.954.870	29.601.440.784
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(200.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và nhận sáp nhập các công ty con		57.730.000.000	11.314.287.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.539.006.767	4.079.270.803
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		9.043.807.678	(184.992.970.196)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B03 - DN

VND

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	-	699.857.000.000
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	462.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.000.000.000)	(1.088.930.537.135)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1.000.000.000)	72.926.462.865
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	64.601.465.283	(51.439.624.724)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	52.380.688.977
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.935.182)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	116.973.219.078

Bình Dương, ngày 27 tháng 01 năm 2019

Người lập



Huỳnh Thị Mộng Diễm

Kế toán trưởng



Mai Thanh Bình

Tổng giám đốc



Mai Hữu Tín

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (GCNĐKKD) số 3700530696 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 18 tháng 8 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Tên giao dịch quốc tế: Truong Thanh Furniture Corporation.

Tên viết tắt: TTF.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là TTF kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 01 tháng 02 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: đường ĐT 747, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Văn phòng đại diện: 235/44 Đường Trục, P.13, quận Bình Thạnh, TP.HCM, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh đồ gỗ nội thất và ngoại thất như bàn, ghế, giường, tủ và các sản phẩm khác; trồng rừng và xây dựng các công trình dân dụng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất đồ mộc; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Đại lý ký gửi hàng hóa; Bán buôn phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng nhà các loại; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn sản phẩm mộc; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn sản phẩm nông lâm sản; Bán buôn phân bón.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng, trừ hoạt động trồng rừng có chu kỳ sản xuất, kinh doanh dự kiến từ 8 đến 12 năm.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN, HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập Báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được dùng để ghi chép sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

III. CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014; và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam được ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ Tài chính về việc ban hành 04 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ Tài chính về việc ban hành 06 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành 06 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành 06 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành 04 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ CHỦ YẾU

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được trích lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển...v.v) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang và các loại hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị hàng tồn kho tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê, tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 14 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 06 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất thuê	Theo thời hạn

8. Chi phí xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc sửa chữa văn phòng, nhà xưởng, mua sắm máy móc, thiết bị của Công ty mà chưa được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh trừ các khoản chi phí đi vay được vốn hóa.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất. Khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

11. Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89"). Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

13. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ phát sinh liên quan các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ phát sinh liên quan các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài khoản này tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

15. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

16. Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu hợp đồng thi công lắp đặt

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được ghi nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng giảm khối lượng lắp đặt khi thực hiện, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng cung cấp và lắp đặt đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng cung cấp và lắp đặt trên bảng cân đối kế toán riêng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

18. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và các chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được những khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	107.727.992	1.302.594.325
Tiền gửi ngân hàng (*)	58.268.724.293	40.969.074.092
Các khoản tương đương tiền (**)	58.596.766.793	10.109.020.560
<u>Tổng cộng</u>	<u>116.973.219.078</u>	<u>52.380.688.977</u>

(*) Bao gồm trong tiền gửi ngân hàng là số tiền là 2.076.081.907 VND đang được Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Phát triển Hồ Chí Minh phong tỏa để Công ty hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trình bày tại Thuyết minh V.7.

(**) Khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn đến ngày đáo hạn có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	131.823.923.876	89.864.100.172
<u>Cộng</u>	<u>131.823.923.876</u>	<u>89.864.100.172</u>
Dài hạn		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (**)	11.911.000.000	9.883.000.000
<u>Cộng</u>	<u>11.911.000.000</u>	<u>9.883.000.000</u>
<u>Tổng cộng</u>	<u>143.734.923.876</u>	<u>99.747.100.172</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới một năm và hưởng lãi suất dao động từ 4,6% đến 7,4%/năm.

(**) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên một năm và hưởng lãi suất dao động từ 6,5% đến 6,7%/năm.

3. Phải thu của khách hàng

3.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh VII)	225.017.497.340	90.997.617.609
Phải thu từ các bên khác	529.391.088.941	650.502.908.170
Trong đó:		
- AFI	78.468.721.746	64.874.410.500
- GME	64.412.396.359	53.068.668.227
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hoàng Nam	20.948.842.623	84.611.869.162
- Khác	365.561.128.213	447.947.960.281
<u>Tổng cộng</u>	<u>754.408.586.281</u>	<u>741.500.525.779</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(400.406.259.758)	(84.884.359.560)
<u>Giá trị thuần</u>	<u>354.002.326.523</u>	<u>656.616.166.219</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

3.2. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh VII)	-	12.839.021.316
Trả trước cho các bên khác	54.290.075.926	113.464.886.897
Trong đó:		
- Công ty TNHH Lâm Nghiệp Phương Mai	24.874.230.764	24.874.230.764
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Giấy Hưng Thịnh	12.285.318.830	12.285.318.830
- Các nhà cung cấp khác	17.130.526.332	76.305.337.303
<u>Tổng cộng</u>	<u>54.290.075.926</u>	<u>126.303.908.213</u>
Dự phòng các khoản trả trước khó đòi	(29.288.781.284)	(29.240.072.309)
Trong đó:		
- Ngắn hạn	(29.288.781.284)	(29.240.072.309)
<u>Giá trị thuần</u>	<u>25.001.294.641</u>	<u>97.063.835.904</u>

3.3. Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi bao gồm dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng khó đòi, các khoản trả trước khó đòi, các khoản phải thu về cho vay khó đòi và các khoản phải thu khác khó đòi. Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(117.895.363.415)	(121.321.894.749)
Dự phòng trích lập trong năm	(585.861.202.722)	(2.761.917.100)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	72.767.867.013	6.188.448.434
<u>Số cuối kỳ</u>	<u>(630.988.699.124)</u>	<u>(117.895.363.415)</u>

4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- CTy CP đầu tư và phát triển du lịch Phú Quốc (KS5)	21.254.995.547	-
- Công Ty CP Khách Sạn & Du Lịch Thiên Thai (FUR)	12.601.765.174	-
- Công ty cổ phần Vinhomes (*)	7.448.364.700	-
- CTY CP VINPEARL (VPH+VCL)	14.014.585.593	87.417.975.948
- Công ty CP Kinh doanh và Quản lý BĐS Vinhomes (*)	-	103.679.817.985
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát (*) ("Tân Liên Phát")	-	60.654.017.186
- Cty CP Đầu Tư DV TM Thành Phố HCM (BSO, VBS)	-	101.193.489.482
- Khác	82.225.063.459	293.135.025.273
<u>Tổng cộng</u>	<u>137.544.774.473</u>	<u>646.080.325.874</u>

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội ("Nam Hà Nội") đã nhận sáp nhập Tân Liên Phát và Công ty Cổ phần Kinh doanh và Quản lý Bất động sản Vinhomes, sau sáp nhập Nam Hà Nội đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Vinhomes.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<u>Ngắn hạn</u>		
Phải thu về cho các bên liên quan vay (*) (Thuyết minh VII)	296.391.477.147	212.694.946.975
Phải thu về cho các bên khác vay	49.825.380.307	103.158.140.070
Trong đó:		
- Công ty TNHH XD và TM DLC (**)	35.675.832.377	89.014.622.140
- Các bên khác	14.149.547.930	14.143.517.930
<u>Cộng</u>	<u>346.216.857.454</u>	<u>315.853.087.045</u>
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<u>Dài hạn</u>		
Phải thu về cho các bên liên quan vay (*) (Thuyết minh VII)	36.874.047.000	64.273.393.553
Trong đó:		
- Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành Oji	36.754.047.000	35.800.137.000
- Công ty CP TM XNK Trường Thành Daknông	-	28.353.256.553
- Công ty CP Lâm Nghiệp Trường Thành	120.000.000	120.000.000
<u>Cộng</u>	<u>36.874.047.000</u>	<u>64.273.393.553</u>
<u>Tổng cộng</u>	<u>383.090.904.454</u>	<u>380.126.480.598</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(158.505.185.722)	-
<u>Giá trị thuần</u>	<u>224.585.718.732</u>	<u>380.126.480.598</u>

(*) Đây là khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với lãi suất dao động từ 7% đến 12%/năm.

(**) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã ký kết hợp đồng cho vay số 28.6/2017/HĐ/TTF-DLC (“Hợp đồng Cho vay”) với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại DLC (“DLC”) và theo các Giấy nhận nợ số 01/2017/GNN/TTF-DLC và số 02/2017/GNN/TTF-DLC vào cùng ngày, Công ty đã cho DLC vay với số tiền lần lượt là 2.416.713 USD và 33.961.900.000 VND để hỗ trợ DLC thanh toán các khoản vay quá hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á - Chi nhánh Bình Dương.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2017, Công ty nhận được Cam kết bảo lãnh (“Cam kết”) từ một số cổ đông cá nhân. Theo Cam kết, 12.178.620 cổ phiếu Công ty sở hữu bởi các cổ đông cá nhân này đã được sử dụng để đảm bảo cho số tiền mà Công ty đã cho DLC vay trong trường hợp DLC không thực hiện thanh toán đúng thời hạn theo Hợp đồng cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh VII)	139.132.462.682	113.235.459.585
Tạm ứng cho nhân viên	2.873.525.418	13.595.432.112
Cho vay không lãi suất	1.659.839.070	2.774.722.186
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	3.314.530.464	6.630.586.810
Phải thu khác	7.193.822.157	3.389.792.101
Công	<u>154.174.179.791</u>	<u>139.625.992.794</u>
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dài hạn		
Phải thu dài hạn khác	400.000.000	867.570.626
Công	<u>400.000.000</u>	<u>867.570.626</u>
Tổng cộng	<u>154.574.179.791</u>	<u>140.493.563.420</u>
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng các khoản phải thu khác khó đòi	(42.788.472.360)	(3.770.931.546)
Giá trị thuần	<u>111.785.707.431</u>	<u>136.722.631.874</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	540.214.929.941	(96.629.907.960)	643.325.315.028	(46.232.735.937)
Vật liệu phụ	13.071.907.428	(516.476.264)	15.325.355.029	(516.476.264)
Công cụ dụng cụ	1.323.424.084	-	1.976.348.938	-
Chi phí SXKD dở dang	205.684.780.849	(38.902.928.542)	247.004.103.322	(18.083.357.794)
- CP dở dang hàng SX	88.616.657.682	(32.879.379.670)	78.073.357.674	(1.730.539.353)
- CP dở dang công trình	72.438.731.258	(6.023.548.872)	74.435.701.010	(4.852.818.441)
- CP trồng rừng huyện	44.629.391.909	-	60.995.044.638	-
- Bất động sản (*)	-	-	33.500.000.000	(11.500.000.000)
Thành phẩm	83.200.444.126	(54.719.820.881)	110.817.961.838	(4.730.277.756)
Hàng hoá	21.801.069.362	(13.231.205.906)	36.099.844.735	(1.390.386.764)
Hàng gửi đi bán	34.854.953	-	-	-
Tổng cộng	865.331.410.743	(204.000.339.553)	1.054.548.928.890	(70.953.234.515)

(*): Theo Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ngày 07 tháng 1 năm 2008, Công ty nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của các thửa đất số 77, 78A, 79A và 80A có tổng diện tích là 10,320m² tọa lạc tại ấp Đông Chiêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương từ ông Phạm Hoài Nam với tổng giá trị là 33.500.000.000 VND. Sau đó Công ty ký kết thỏa thuận chi phí bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất số 01-2014/TTBT-TTF với Công ty cổ phần Địa ốc Đại Á (“Địa ốc Đại Á”) ngày 19 tháng 7 năm 2014. Công ty nhận tiền bồi thường liên quan đến các thửa đất này với giá trị là 22.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các thủ tục liên quan đến việc nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Hoài Nam và chuyển nhượng lại cho Địa ốc Đại Á vẫn chưa được Công ty hoàn thành.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(70.953.234.515)	(76.586.883.841)
Tăng do sáp nhập	-	-
Dự phòng trích lập trong năm	(151.130.462.832)	(4.852.818.440)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	18.083.357.794	10.486.467.766
Số cuối kỳ	(204.000.339.553)	(70.953.234.515)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09 - DN

8. Tài sản cố định

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	Tổng cộng
<u>NGUYỄN GIÁ</u>					
Số đầu năm	286.284.875.852	226.708.454.098	18.196.643.693	13.255.815.823	544.445.789.466
Mua trong kỳ	1.349.792.874	3.118.521.380	679.280.000	268.590.909	5.416.185.163
Đầu tư XD CB hoàn thành trong kỳ	-	17.938.375.167	-	1.338.800.000	19.277.175.167
Tăng khác	-	-	411.101.680	715.846.350	1.126.948.030
Thanh lý	-	(315.895.467)	(816.548.055)	-	(1.132.443.522)
Giảm do dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay	(176.710.609.643)	(25.318.993.535)	(5.818.465.636)	(10.896.198.080)	(218.744.266.894)
Giảm khác	(98.008.902)	(1.350.483.292)	(715.846.350)	(589.745.864)	(2.754.084.408)
Số cuối kỳ	110.826.050.181	220.779.978.351	11.936.165.332	4.093.109.138	347.635.303.002
<i>Trong đó</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>1.621.930.400</i>	<i>13.499.643.939</i>	<i>3.342.115.564</i>	<i>1.405.179.150</i>	<i>19.868.869.053</i>

GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ

Số đầu năm	(67.481.502.145)	(102.829.133.639)	(12.011.131.823)	(3.579.380.416)	(185.901.148.023)
Khấu hao trong kỳ	(11.164.948.880)	(14.940.585.837)	(1.365.552.353)	(1.259.842.340)	(28.730.929.410)
Tăng khác		(58.501.312)	(240.253.927)	(715.846.350)	(1.014.601.589)
Thanh lý, nhượng bán		312.166.162	722.066.970		1.034.233.132
Giảm do dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay	51.687.051.819	3.262.280.641	1.812.654.956	2.497.045.393	59.259.032.809
Giảm khác	98.008.902	740.205.857	715.846.350	583.694.109	2.137.755.218
Số cuối kỳ	(26.861.390.304)	(113.513.568.128)	(10.366.369.827)	(2.474.329.604)	(153.215.657.863)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số đầu năm	218.803.373.707	123.879.320.459	6.185.511.870	9.676.435.407	358.544.641.443
Số cuối kỳ	83.964.659.877	107.266.410.223	1.569.795.505	1.618.779.534	194.419.645.139

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Tổng cộng
<u>NGUYÊN GIÁ</u>			
Số đầu năm	5.958.614.295	157.259.011	6.115.873.306
Tăng trong kỳ	147.000.000	-	147.000.000
Giảm trong kỳ	(45.000.000)	-	(45.000.000)
Số cuối kỳ	6.060.614.295	157.259.011	6.217.873.306
<i>Trong đó</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>724.529.774</i>	<i>-</i>	<i>724.529.774</i>
<u>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</u>			
Số đầu năm	(2.950.112.358)	(157.259.011)	(3.107.371.369)
Tăng trong kỳ	(298.250.500)	-	(298.250.500)
Giảm trong kỳ	45.000.000	-	45.000.000
Số cuối kỳ	(3.203.362.858)	(157.259.011)	(3.360.621.869)
<u>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</u>			
Số đầu năm	3.008.501.937	-	3.008.501.937
Số cuối kỳ	2.857.251.437	-	2.857.251.437

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xây dựng nhà kho, nhà trung bày	10.243.588.790	10.258.391.496
Mua sắm MMTB	13.441.777.920	30.177.194.078
<u>Tổng cộng</u>	<u>23.685.366.710</u>	<u>40.435.585.574</u>

11. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	2.752.368.188	3.011.428.803
Chi phí bảo hiểm	-	89.773.000
Khác	3.479.054.039	418.678.367
<u>Công</u>	<u>6.231.422.227</u>	<u>3.519.880.170</u>

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	2.277.479.881	7.366.553.248
Chi phí sửa chữa	-	-
Chi phí thuê đất (*)	1.917.726.994	69.634.310.348
Khác	224.325.494	2.605.071.328
<u>Công</u>	<u>4.419.532.369</u>	<u>79.605.934.924</u>
<u>Tổng cộng</u>	<u>10.650.954.596</u>	<u>83.125.815.094</u>

(*) Ngày 2 tháng 8 năm 2010, Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 1868/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương (“UBND”) và các phụ lục sửa đổi bổ sung để thuê lại thửa đất số 905 có diện tích 4.417 m² tọa lạc tại xã Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương trong 49 năm. Theo đó, Công ty đã thanh toán số tiền thuê là 2.477.053.600 VND và có được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (“GCNQSDĐ”) ngày 9 tháng 11 năm 2009. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, chi phí thuê đất còn lại chưa phân bổ là 1.917.726.994 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09 - DN

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

12.1. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Số cuối kỳ			Số đầu năm				
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại
Cty CP Lâm Nghiệp Trường Thành	99,97	59.564.847.684	(13.789.823.944)	45.775.023.740	99,97	59.564.847.684	(12.550.797.845)	47.014.049.839
Cty CP Trường Thành Xanh (TTG) (*)	99,98	27.777.683.305	(19.864.716.114)	7.912.967.191	99,99	53.347.393.305	(19.738.722.331)	33.608.670.974
Cty CP Trồng Rừng Trường Thành	79,89	26.809.360.000	(15.210.254.208)	11.599.105.792	79,89	26.809.360.000	(7.620.169.310)	19.189.190.690
Cty CP Trường Thành (TTDL1)	70,00	21.000.000.000	(21.000.000.000)	-	70,00	21.000.000.000	(21.000.000.000)	-
Cty CP Chế Biến Gỗ Trường Thành	70,00	19.600.000.000	(19.600.000.000)	-	70,00	19.600.000.000	(19.600.000.000)	-
Cty CP Lâm Nghiệp Trường Thành Đắk Nông	-	-	-	-	99,44	1.777.000.000	(1.777.000.000)	-
Cty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường	-	-	-	-	97,50	12.480.000.000	(6.459.525.163)	6.020.474.837
Cty CP CB Gỗ Trường Thành Madrak	90,25	9.885.456.454	(9.885.456.454)	-	90,25	9.885.456.454	(9.885.456.454)	-
Cty CP Quản Lý Cụm CN Trường Thành - Cty CP TM XNK Trường Thành DakNông	97,30	5.400.000.000	(5.400.000.000)	-	97,30	5.400.000.000	(4.802.125.805)	597.874.195
	-	-	-	-	94,75	18.950.000.000	-	18.950.000.000
Tổng cộng		170.037.347.443	(104.750.250.720)	65.287.096.723		228.814.057.443	(103.433.796.908)	125.380.260.535

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GÓ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09 - DN

(*) Vào ngày 17 tháng 5 năm 2018, Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh đã mua lại 2.556.971 cổ phiếu sở hữu bởi Công ty, với tổng giá trị là 25.569.710.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Trường Thành Xanh giảm từ 99,99% xuống 99,98%.

12.2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Số cuối kỳ			Số đầu năm				
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại
Cty TNHH Trông Rừng Trường Thành Oji	51,00	94.930.473.000	(2.477.167.333)	92.453.305.667	51,00	94.930.473.000	(4.861.353.882)	90.069.119.118
Cty CP Phú Hữu Gia (*)	-	-	-	-	26,74	52.680.000.000	(2.437.794.770)	50.242.205.230
Cty CP Nông Lâm Nghiệp Trường Thành (**)	-	-	-	-	26,59	23.525.000.000	(1.930.276.559)	21.594.723.441
Cty CP Bao Bì Trường Thành	43,76	2.000.000.000	(696.694.811)	1.303.305.189	43,76	2.000.000.000	(1.457.792.042)	542.207.958
Tổng cộng		96.930.473.000	(3.173.862.144)	93.756.610.856		173.135.473.000	(10.687.217.253)	162.448.255.747

(*) Vào ngày 2 tháng 3 năm 2018, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tương đương với 26,74% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia với tổng giá trị chuyển nhượng là 52.680.000.000 VND. Theo đó, Phú Hữu Gia không còn là công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

(**) Vào ngày 15 tháng 5 năm 2018, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tương đương 26,59% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành, với tổng giá trị chuyển nhượng là 5.050.000.000 VND. Theo đó, Nông Lâm nghiệp Trường Thành không còn là công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09 - DN

12.3. Đầu tư và đơn vị khác

Tên công ty	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Lidovit	0,47	279.784.766	-	279.784.766	-	279.784.766
Cty CP Phú Hữu Gia (*)	3,55	11.266.850.000	(4.266.850.000)	-	-	-
Tổng cộng		11.546.634.766	(4.266.850.000)	279.784.766	-	279.784.766

(*) Vào ngày 25 tháng 5 năm 2018, Công ty đã nhận chuyển nhượng 700.000 cổ phần, tương đương với 3,55% tỷ lệ sở hữu trong Phú Hữu Gia, từ Công ty TNHH Lâm Nghiệp Trường Vũ ("Trường Vũ") với tổng phí chuyển nhượng là 11.266.850.000 VND, trong đó số tiền 11.066.850.000 VND được cân trừ với khoản phải thu đối với Trường Vũ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

13. Phải trả người bán

13.1. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh VII)	0	36.010.179.756
Phải trả cho các bên khác	106.281.075.709	236.468.562.118
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH TM & XD DLC	-	31.799.689.004
- Công ty TNHH TM & DV Lâm nghiệp Minh Hoàng	23.267.343.000	23.267.343.000
- Công ty CP Đầu Tư & XD Nông Lâm Nghiệp Trường Sơn	6.098.779.600	22.221.978.583
- Phải trả nhà cung cấp khác	76.914.953.109	159.179.551.531
Cộng	106.281.075.709	272.478.741.874

13.2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần ĐT XD Tân Liên Phát (“Tân Liên Phát”) (*) (**)	1.032.336.527.786	1.105.826.606.735
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần (“Vingroup”) (**)	-	108.190.335.365
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	2.850.306.318	85.091.198.255
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Quản lý BĐS Vinhomes (*)	-	55.898.893.740
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	-	42.142.030.928
Công ty TNHH Phát triển Công Viên Trung Tâm	7.883.353.105	-
Các khách hàng khác	29.840.908.081	245.613.368.071
Cộng	1.072.911.095.290	1.642.762.433.094

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội (“Nam Hà Nội”) đã nhận sáp nhập Tân Liên Phát và Công ty Cổ phần Kinh doanh và Quản lý Bất động sản Vinhomes, sau sáp nhập Nam Hà Nội đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Vinhomes.

(**) Theo Thỏa thuận Nguyên tắc ngày 15 tháng 5 năm 2017, Vingroup chỉ định Công ty là nhà cung cấp chiến lược các sản phẩm gỗ thành phẩm phục vụ cho các dự án của Vingroup và các công ty con với tổng giá trị dự kiến lên đến 16.000.000.000.000 VND. Theo đó, cũng vào ngày này, Vingroup và Tân Liên Phát, công ty con của Vingroup, đã ký thỏa thuận đặt cọc với số tiền lần lượt là 70.419.180.876 VND và 1.059.894.177.874 VND.

Bao gồm trong khoản đặt cọc là số tiền 1.053.502.802.272 VND mà Công ty sẽ phải thanh toán tiền lãi theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm thời hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương. Số tiền đặt cọc và tiền lãi phát sinh sẽ được căn trừ tương ứng 10% giá trị nghiệm thu theo các hợp đồng thi công lắp đặt giữa Công ty, Vingroup và Công ty CP Vinhomes

14. Thuế và các khoản nộp Nhà nước

Thuế phải thu

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT còn được khấu trừ	25.765.279.126	54.270.640.690	76.586.181.716	3.449.738.100
Thuế nhập khẩu	3.331.612.905	15.233.493	6.184.196	3.340.662.202
Tổng cộng	29.096.892.031	54.285.874.183	76.592.365.912	6.790.400.302

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuế phải nộp	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	9.016.092.852	80.857.696.272	78.891.334.097	10.982.455.027
Thuế TNDN	8.326.411.344	-	375.000.000	7.951.411.344
Thuế TNCN	4.064.978.613	5.371.189.360	5.438.978.974	3.997.188.999
Thuế khác	691.942.523	15.000.000,00	33.142.517	673.800.006
<u>Tổng cộng</u>	<u>22.099.425.332</u>	<u>86.243.885.632</u>	<u>84.738.455.588</u>	<u>23.604.855.376</u>
15. Chi phí phải trả ngắn hạn			Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả lãi vay			179.770.531.194	154.140.981.577
Chi phí phải trả khác			19.595.002.727	3.790.695.334
Chi phí lương, thưởng			-	9.894.496.000
Chi phí xây dựng			33.598.164.537	59.331.511.273
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh VII)			-	12.777.777
<u>Tổng cộng</u>			<u>232.963.698.458</u>	<u>227.170.461.961</u>
16. Chi phí phải trả khác			Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết			1.009.722.580	1.009.644.380
BHXH, BHYT, BHTN			1.652.897.920	4.317.345.299
Lãi chậm nộp thuế và bảo hiểm XH			26.624.802.622	27.679.324.191
Kinh phí công đoàn			789.285.166	874.556.183
Phải trả khác			8.333.089.952	12.142.411.123
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh VII)			0	1.389.634.422
<u>Tổng cộng</u>			<u>38.409.798.240</u>	<u>47.412.915.598</u>
17. Vay				
Ngắn hạn	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngân hàng (Thuyết minh V.17.1)	273.602.779.209	-	150.310.079.209	123.292.700.000
Vay bên liên quan (Thuyết minh V.17.3)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
<u>Cộng</u>	<u>275.602.779.209</u>	<u>-</u>	<u>152.310.079.209</u>	<u>123.292.700.000</u>
Dài hạn	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay cá nhân (Thuyết minh V.17.2)	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000
<u>Cộng</u>	<u>500.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>500.000.000.000</u>
<u>Tổng cộng</u>	<u>775.602.779.209</u>	<u>-</u>	<u>152.310.079.209</u>	<u>623.292.700.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09 - DN

17.1. Vay Ngân hàng

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á, Chi nhánh Bình Dương				
Hợp đồng số H0367/1N ngày 25 tháng 6 năm 2015	123.292.700.000	Từ 27/7/2016 đến 23/9/2016	8,5	12.859 m ³ gỗ nguyên liệu các loại và thành phẩm của Công ty

Tổng cộng

123.292.700.000

17.2. Vay cá nhân

Công ty sử dụng khoản vay từ cá nhân nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Cá nhân	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ông Bùi Hồng Minh				
Hợp đồng số 01/2016/HĐV/TTF- BHM ngày 22 tháng 12 năm 2016 và các phụ lục điều chỉnh sau đó	500.000.000.000	Ngày 31/12/2022		Tin chấp

17.3. Vay bên liên quan

Đây là khoản vay Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh, công ty con, có kỳ hạn trả gốc và lãi vào ngày 12 tháng 9 năm 2017 và chịu lãi suất 5%/năm (Thuyết minh VII). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 số dư của khoản vay này là 0 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09 - DN

18. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lũy kế	Cộng
<u>NĂM TRƯỚC</u>						
Số đầu năm	1.446.078.400.000	63.750.862.467	(552.965.000)	16.176.475.297	(1.427.009.227.765)	98.443.544.999
Phát hành thêm cổ phiếu	700.000.000.000	(143.000.000)	-	-	-	699.857.000.000
Lợi nhuận thuần					35.155.935.988	35.155.935.988
Số cuối năm	2.146.078.400.000	63.607.862.467	(552.965.000)	16.176.475.297	(1.391.853.291.777)	833.456.480.987
<u>NĂM NAY</u>						
Số đầu năm	2.146.078.400.000	63.607.862.467	(552.965.000)	16.176.475.297	(1.391.853.291.777)	833.456.480.987
Phát hành thêm cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	-	-	-	-	(778.718.432.923)	(778.718.432.923)
Giảm khác	-	-	-	-	(269.000.000)	(269.000.000)
Số cuối kỳ	2.146.078.400.000	63.607.862.467	(552.965.000)	16.176.475.297	(2.170.840.724.700)	54.469.048.064

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

19. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông (đã phát hành và góp vốn đầy đủ)	214.607.840	214.607.840
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(15.815)	(15.815)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	214.592.025	214.592.025

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (Năm 2017 mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20. Các giao dịch về vốn với cổ đông

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	2.146.078.400.000	1.446.078.400.000
Phát hành cổ phiếu	-	700.000.000.000
<u>Số cuối kỳ</u>	<u>2.146.078.400.000</u>	<u>2.146.078.400.000</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 4/2018	Quý 4/2017
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, nguyên liệu và dịch vụ thi công lắp đặt	269.699.969.495	566.804.452.440
Doanh thu khác	16.009.000.000	-
<u>Tổng cộng</u>	<u>285.708.969.495</u>	<u>566.804.452.440</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 4/2018	Quý 4/2017
Hàng bán bị trả lại	-	276.229.139
<u>Tổng cộng</u>	<u>-</u>	<u>276.229.139</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09 - DN

3. Giá vốn hàng bán

	Quý 4/2018	Quý 4/2017
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, nguyên liệu và DV thi công lắp đặt	281.917.298.323	468.422.106.953
Giá vốn khác	18.636.083.222	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.500.000.000)	-
<u>Tổng cộng</u>	<u>289.053.381.545</u>	<u>468.422.106.953</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4/2018	Quý 4/2017
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	3.181.098.759	9.182.888.928
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.268.645	(804.271.015)
<u>Tổng cộng</u>	<u>3.197.367.404</u>	<u>8.378.617.913</u>

5. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý 4/2018	Quý 4/2017
Lỗ chuyển nhượng chứng khoán, chuyển nhượng vốn	14.257.000.000	1.257.143.000
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(7.885.446.326)	(8.750.053.149)
Chi phí lãi vay	29.496.397.208	(12.551.181.587)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	838.094.128	(338.583.373)
Chi phí tài chính khác	190.812.273	280.676.258
<u>Tổng cộng</u>	<u>36.896.857.283</u>	<u>(20.101.998.851)</u>

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**6.1. Chi phí bán hàng**

	Quý 4/2018	Quý 4/2017
Chi phí nhân viên bán hàng	2.079.835.000	988.430.250
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	56.466.342	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	354.974.374	152.736.231
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.201.794	8.547.253
Chi phí bảo hành	781.864.883	-
Chi phí DV mua ngoài	990.039.018	343.941.661
Chi phí bằng tiền khác	170.635.632	10.140.724
<u>Tổng cộng</u>	<u>4.444.017.043</u>	<u>1.503.796.119</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4/2018	Quý 4/2017
Chi phí nhân viên quản lý	25.670.286.285	21.252.810.750
Chi phí vật liệu quản lý	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	654.963.608	1.163.135.410
Chi phí khấu hao TCSĐ	69.008.049	524.757.721
Chi phí dự phòng	(72.767.867.013)	2.761.917.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.609.708.464	3.415.225.489
Chi phí bằng tiền khác.	1.640.679.980	2.127.503.506
<u>Tổng cộng</u>	<u>(31.123.220.627)</u>	<u>31.245.349.976</u>

7. Thu nhập khác và chi phí khác**7.1. Thu nhập khác**

	Quý 4/2018	Quý 4/2017
Hồi tố thu nhập từ lãi vay được xóa	-	-
Thu do phạt vi phạm hợp đồng, truy cứu trách nhiệm	786.015.969	-
Thu do thanh lý tài sản	790.361.260	92.667.729
Thu từ khoản bồi thường, hỗ trợ đất Dĩ An	22.000.000.000	-
Thu do thanh lý phế liệu	797.208.000	-
Thu nhập khác	574.436.451	519.198.696
<u>Tổng cộng</u>	<u>24.948.021.680</u>	<u>611.866.425</u>

7.2. Chi phí khác

	Quý 4/2018	Quý 4/2017
Phạt chậm nộp thuế và bảo hiểm	-	-
Phạt vi phạm hợp đồng	934.108.603	23.864.635
Thanh lý tài sản	1.163.950.913	-
Chi phí khoản bồi thường, hỗ trợ đất Dĩ An	33.500.000.000	-
Chi phí xóa nợ	12.674.788.683	1.122.429.909
Chi phí khác	769.711.690	1.795.373.855
<u>Tổng cộng</u>	<u>49.042.559.889</u>	<u>2.941.668.399</u>

<u>Lợi nhuận khác</u>	<u>(24.094.538.209)</u>	<u>(2.329.801.974)</u>
------------------------------	--------------------------------	-------------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan**

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty.

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần đảm bảo và dự kiến sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Công ty CP Trường Thành (Daklak1)	Công ty con	Bán hàng	351.768.903	710.378.480
		Lãi cho vay	-	-
		Mua hàng	534.139.900	637.572.934
		Cung cấp dịch vụ	-	30.000.000,00
Công ty CP Chế biến gỗ Trường Thành (Daklak2)	Công ty con	Bán hàng	425.534.816	562.496.294
		Cho vay	-	-
		Mua hàng	437.699.115	17.756.326.703
		Lãi cho vay	-	1.971.822.667
Công ty CP Chế biến gỗ Trường Thành MDrak	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	30.000.000,00
		Lãi cho vay	-	195.346.666,00
Cty CP VL XD Trường Thành Phước An (TTPA)	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	103.308.201	20.000.000
		Lãi cho vay	114.307.575	10.000.000,00
		Lãi cho vay	-	350.543.231,00

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:**Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Trường Thành	Công ty con	Bán hàng	170.136.429.028	56.826.118.852
Công ty CP TM XNK Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Bán hàng	-	16.560.023.727
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Drak	Công ty con	Bán hàng	11.255.207.357	11.212.710.509
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Bán hàng	41.571.182.699	4.571.753.413
Công ty CP VLXD Trường Thành - Phước An	Công ty con	Bán hàng	1.592.246.302	1.592.246.302
Công ty CP Lâm Nghiệp Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Bán hàng	195.806.154	195.806.154
Công ty CP Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết	Bán hàng	-	38.958.652
Cty CP Trồng Rừng Trường Thành (TTTR)	Công ty con	Bán hàng	266.625.800	-
<u>Tổng cộng</u>			<u>225.017.497.340</u>	<u>90.997.617.609</u>

Trả trước cho người bán ngắn hạn

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	-	11.836.519.368
Công ty Cổ phần TM XNK Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Mua hàng	-	960.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Drắk	Công ty con	Mua hàng	-	42.501.948
<u>Tổng cộng</u>			-	<u>12.839.021.316</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phải thu về cho vay

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Cho vay	118.063.854.139	86.929.000.000
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Cho vay	144.551.654.540	82.562.001.815
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết	Cho vay	-	10.482.260.265
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Cho vay	7.214.312.395	10.214.312.395
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành – Phước An	Công ty con	Cho vay	9.506.757.500	9.506.757.500
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M’Đrắk	Công ty con	Cho vay	10.496.143.573	6.370.000.000
Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Cho vay	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Cho vay	1.558.755.000	1.530.615.000
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Công ty liên kết	Cho vay	-	100.000.000
Cộng			<u>296.391.477.147</u>	<u>212.694.946.975</u>

Dài hạn

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Cho vay	36.754.047.000	35.800.137.000
Công ty Cổ phần Thương mại XNK Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Cho vay	-	28.353.256.553
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Cho vay	120.000.000	120.000.000
Tổng cộng			<u>36.874.047.000</u>	<u>64.273.393.553</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09 - DN

Phải thu ngắn hạn khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành	Công ty con	Chi hộ	54.602.296.810	54.577.456.810
		Lãi cho vay	21.049.281.020	16.921.824.443
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay	22.895.928.548	18.540.646.105
		Chi hộ	144.318.900	104.273.100
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay	4.592.722.486	4.147.218.971
		Chi hộ	116.895.460	113.546.200
Công ty CP VLXD Trường Thành – Phước An	Công ty con	Lãi cho vay	5.437.352.029	4.747.696.325
		Chi hộ	65.303.700	51.955.100
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Drak	Công ty con	Lãi cho vay	2.183.229.996	1.798.906.664
		Chi hộ	499.652.300	452.955.100
Công ty CP Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Lãi cho vay	1.525.000.006	1.223.333.338
		Chi hộ	54.303.700	51.955.100
Công ty Cổ phần Thương mại XNK Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Lãi cho vay	-	4.946.872.226
		Chi hộ	-	3.788.975.915
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Lãi cho vay	-	286.968.836
		Chi hộ	828.702.663	52.500.000
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết	Lãi cho vay	-	1.002.099.652
		Chi hộ	-	41.955.100
Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành	Công ty con	Chi hộ	109.970.300	83.273.100
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Chi hộ	-	103.546.200
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Chi hộ	54.303.700	51.955.100
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Chi hộ	64.621.700	62.273.100
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	Công ty con	Chi hộ	-	62.273.100
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành - Ea H'leo	Công ty con	Chi hộ	24.908.579.364	21.000.000
Tổng cộng			139.132.462.682	113.235.459.585

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phải trả người bán ngắn hạn

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Trường Thành Xanh	Công ty con	Mua hàng	-	22.281.570.117
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Mua hàng	-	6.347.368.342
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	-	4.796.256.750
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Mua hàng	-	1.830.935.076
Công ty TNHH Địa ốc Hưng Lợi	Bên liên quan	Mua dịch vụ	-	585.390.296
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	-	149.571.000
Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Mua hàng	-	19.088.175
<u>Tổng cộng</u>			-	<u>36.010.179.756</u>

Chi phí phải trả ngắn hạn

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Lãi vay	-	12.777.777
<u>Tổng cộng</u>			-	<u>12.777.777</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09 - DN

Phải trả ngắn hạn khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Mượn	-	1.338.493.106
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Mượn	-	-
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Đrắk	Công ty con	Mượn	-	51.141.316
<u>Tổng cộng</u>			-	<u>1.389.634.422</u>

Vay ngắn hạn

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Vay	-	2.000.000.000
<u>Tổng cộng</u>			-	<u>2.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

B09 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

VIII. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Người lập



Huỳnh Thị Mộng Diễm

Kê toán trưởng



Mai Thanh Bình

Bình Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2019



Tổng giám đốc

Mai Hữu Tín

